

Bản án số: 799/2017/HNGĐ-PT

Ngày 06/9/2017

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương

Bà Đặng Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án thụ lý số 72/2017/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc “Ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 698/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 759/2017/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà L, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Đường H, phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: đường T, phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn - Bà L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nguyên đơn là bà L trình bày:**

Bà và ông Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 16/9/2015 theo giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 1/2015.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung là P, sinh ngày 07/11/2014, bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con vì bà làm nghề tiếp viên hàng không, thu nhập hàng tháng đủ để nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

**** Theo bị đơn là ông Đ trình bày:***

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về việc kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung như trên là đúng và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau khi vợ chồng ly hôn vì ông là chủ doanh nghiệp nên chủ động được về mặt thời gian, khả năng kinh tế để chăm sóc cho con chung, không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con. Ông không đồng ý giao con cho bà L nuôi do nghề nghiệp của bà L không ổn định về thời gian để có thể chăm sóc con tốt nhất, vì khi bà L đi bay phải tắt điện thoại nên nếu con có vấn đề gì về sức khỏe thì không thể liên lạc ngay với bà L được để lo cho bé; Từ khi bà L sinh con đến nay điều kiện tài chính để chăm sóc con do một mình ông chịu trách nhiệm, bà L cho rằng có đủ điều kiện để chăm con nhưng chưa từng hỗ trợ tài chính việc chăm con và bà L đã từng có hành động bạo hành với con chung nếu giao cho bà L nuôi con thì ông lo ngại đến sự phát triển sau này của con.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 698/2017/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự. Tuyên xử :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông Đ.

- *Về con chung:* Giao ông Đ trực tiếp nuôi con chung P, sinh ngày 07/11/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà L do ông Đ không có yêu cầu.

- *Về tài sản chung:* Bà L và ông Đ tự thỏa thuận.

- *Về nợ chung:* Bà L và ông Đ xác nhận không có.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 23/6/2017 bà L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung là P, sinh ngày 07/11/2015 và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

****Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn là bà L trình bày: Bà đang làm tiếp viên hàng không, vừa qua để có thời gian chăm sóc con bà có làm đơn gửi Đoàn trưởng Đoàn tiếp viên xin được bay về trong ngày trước 16h00 hàng ngày trong thời hạn 01 năm từ 01/7/2017 đến 01/7/2018 và đã được duyệt, do đó chỉ có giờ đi bay là chưa ổn định, nếu hết thời hạn này bà có thể làm đơn xin phép thêm; Trẻ P hiện nay đang ở với cha là ông Đ tại nhà ông Đ ở Quận D để đi học, bà nhận thấy ông Đ nuôi con cũng tốt nhưng sợ ông Đ đưa con đi nước ngoài mà không hỏi ý kiến bà nên bà muốn về mặt pháp lý bà là người được nuôi con. Nếu được nuôi con, bà không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con vì bà có lương tiếp viên, đồng thời là chủ tiệm nails tại quận N nên có đủ khả năng kinh tế để lo cho con.

Bị đơn là ông Đ trình bày: Hiện nay ông đang nuôi dưỡng trẻ P, cuối tuần ông là người chủ động đưa con đến nhà bà L để mẹ con, bà cháu được gần gũi, gặp gỡ nhau. Về phía bà L làm tiếp viên nên giờ giấc đi bay không ổn định được, thời gian chăm sóc con sẽ bị hạn chế, còn ông chủ động được về thời gian làm việc, thu nhập từ công việc kinh doanh hàng tháng của ông cao hơn của bà L, thực tế bà L chưa đóng góp tài chính gì để nuôi con. Do đó, ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà L làm trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung kháng cáo: Xét thấy ông Đ và bà L có 01 con chung, cả hai cùng có điều kiện để nuôi con nhưng ông Đ làm chủ doanh nghiệp nên có nhiều thời gian dành cho con hơn, còn thời gian làm việc của bà L thì bị động, ngoài ra bà L đang điều trị bệnh thoái hóa đốt sống cổ nên sức khỏe cũng không được đảm bảo; Theo chứng cứ do ông Đ cung cấp trong hồ sơ thì trẻ P bị bầm ở vùng mắt do bị bà L đánh, bà L phủ nhận và cho rằng trẻ P ở với cha mẹ từ lúc mới sinh đến lúc ly hôn nhưng bà chưa nhìn thấy trẻ P bị bầm mắt bao giờ, điều đó thể hiện bà L chưa thật sự quan tâm đến trẻ P; Do đó nên giao con chung cho cha tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

(1) Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà L làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

(2) Về tố tụng: Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 759/2017/QĐ-PT ngày 06/9/2017 thì bà H1 là người làm chứng. Theo bà L trình bày mẹ của bà là bà H1 đã được triệu tập tham gia phiên tòa tuy nhiên hiện nay mẹ của bà đang phải điều trị bệnh nên bà yêu cầu tòa án phúc thẩm không đưa bà H1 vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng nữa; Xét thấy bà H1 tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng là theo yêu cầu của bà L và đã có văn bản trình bày nội dung làm chứng tại tòa án sơ thẩm, nay bà L yêu cầu không đưa bà H ra làm người làm chứng là phù hợp, không trái pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

(3) Về nội dung kháng cáo:

Theo các đương sự trình bày thì bà L, ông Đ tự nguyện chung sống từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường F, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/9/2015 và có 01 con chung tên là P (nam), sinh ngày 07/11/2014, tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết, nợ chung không có. Do vợ chồng mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu xin ly hôn với ông Đ và đã được Tòa án nhân dân quận N xử cho ly hôn bằng Bản án số 698/2017/HNGĐ-ST ngày 22/6/2017; Trong đó, con chung được giao cho cha là ông Đ nuôi dưỡng, bà L không đồng ý nên kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Theo lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ thì về điều kiện vật chất, bà L làm tiếp viên hàng không, ông Đ mở công ty riêng kinh doanh về sửa chữa xe ô tô, cả hai đều có việc làm ổn định, có nhà ở riêng, có thu nhập đủ để trang trải cuộc sống và lo cho con chung; Thực tế sau khi sinh con, cả ông Đ và bà L vẫn cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ P nên xét về mặt tình cảm, mức độ gần gũi, sự gắn bó giữa cha mẹ là bà L, ông Đ với con chung là ngang nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy theo đơn đề đạt nguyện vọng ngày 08/6/2017 của bà L gửi Đoàn trưởng Đoàn tiếp viên (*bút lục 76*) thì bà L xin được bay về trước 16 giờ hàng ngày từ 01/7/2017 đến 01/7/2018; Tại phiên tòa, bà L cũng cho biết thời gian đi bay buổi sáng của bà hiện nay lúc từ 5 giờ, lúc từ 6 giờ..., tùy theo chuyến bay, có lúc làm liên tục ½ tháng, nghỉ ½ tháng... điều đó thể hiện phía bà L không chủ động được về thời gian làm việc do đặc thù nghề tiếp viên hàng không bị phụ thuộc vào lịch bay, quy định bay của hãng hàng không và đoàn tiếp viên hàng không; Phụ thuộc các yếu tố khách quan khác như điều kiện thời tiết, điều kiện cất cánh, hạ cánh tại sân bay... Bản án sơ thẩm cũng đã xét và xác định đơn này chưa hợp lệ do chưa có xác nhận hợp pháp của người sử dụng lao động, tuy nhiên ngay cả khi đơn có xác nhận hợp lệ thì bà L cũng chỉ sắp xếp được thời gian làm việc trong khoảng thời gian nhất định mà bà L đã xin phép ở trên, không có sự ổn định lâu dài. Trong đơn, bà L cũng trình bày hiện nay bà đang phải điều trị thoái hóa đốt sống cổ phải tập vật lý trị liệu mỗi ngày tại bệnh viện, như vậy về mặt sức khỏe của bản thân bà L hiện nay cũng không được ổn, cần có thời gian để chữa bệnh và chăm sóc cho chính mình do đó về mặt thời gian, ông Đ là chủ công ty kinh doanh riêng và có thể chủ động được về thời gian làm việc, thời gian dành cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con nhiều hơn bà L.

Căn cứ quy định tại Điều 71, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên; Vợ chồng có quyền thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nếu không thỏa thuận được thì tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con*; Từ phân tích trên cho thấy, bà L cũng có điều kiện để nuôi con, tuy nhiên thời gian dành cho việc chăm sóc con và sức khỏe của bà L hiện nay chưa được ổn định, trẻ P hiện nay đang ở với cha, và là con trai nên giao cho cha nuôi về mặt phát triển, giáo dục giới tính sau này có phần phù hợp hơn giao cho mẹ nuôi; Xét thấy, bà L kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm, giao con chung cho bà nuôi dưỡng nhưng bà L không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác để chứng minh cho việc kháng cáo của mình là có cơ sở vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, nên cần giữ nguyên

bản án như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

(4) Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, theo quy định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 306, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 71, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn là bà L làm trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, được chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà L. Giữ nguyên bản án ly hôn sơ thẩm số 698/2017/HNGĐ-ST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ P (nam), sinh ngày 07/11/2014 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà L do ông Đ không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo qui định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông Đ tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng bà L phải chịu nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006118 ngày 28/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà L phải chịu nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006432 ngày 26/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận N;
- Chi cục THADS quận N ;
- UBND Phường F, Quận Y, TP.HCM ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương